| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CƯ KUIN**<br>**TỈNH ĐẮK LẮK** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 36/2020/DS-ST
Ngày: 28/9/2020
"V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ KUIN, TỈNH ĐẮK LẮK**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Văn Công Cường

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Y Pép Êban;

2. Bà H Bliăk Niê.

***- Thư ký phiên toà:*** Bà Trần Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:*** Bà Hà Thanh Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2020, tại phòng xử án B, trụ sở Toà án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 21/2020/TLST-DS ngày 12/3/2020 về "tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2020/QĐXXST-DS ngày 28/8/2020 giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:*** Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

Địa chỉ: 266-268 đường N, phường 08, Quận X, Tp. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Xuân L, chức vụ: Trưởng Phòng giao dịch C.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Lê Vĩnh H, chức vụ: Phó phòng giao dịch (theo văn bản ủy quyền ngày 20/3/2020).

Địa chỉ: 16A Buôn K, xã B, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, *có mặt.*

***2. Bị đơn:*** Ông Trần Anh V, sinh năm 1982 và bà Lê Thị N, sinh năm 1978.

Cùng địa chỉ: Thôn 02, xã H, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, *vắng mặt.*

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn ông Lê Vĩnh H trình bày:**

Ngày 22/8/2017 Ngân hàng Thương mại cổ phần S, Chi nhánh Đắk Lắk - Phòng giao dịch C (gọi tắt là Ngân hàng) và ông Trần Anh V thực hiện việc ký hợp đồng số 094/2017/TTD/CK đề nghị cấp thẻ tín dụng số thẻ 356480-4094 với hạn mức 25.000.000 đồng; biện pháp bảo đảm: Tín chấp.

Ngày 23/8/2018 Ngân hàng và bà Lê Thị N thực hiện việc ký hợp đồng số 096/2018/TTD/CK đề nghị cấp thẻ tín dụng số thẻ 970403-4215 với hạn mức 25.000.000 đồng; biện pháp bảo đảm: Tín chấp.

Ngày 22/8/2018 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần S, Chi nhánh Đắk Lắk – phòng giao dịch C với ông Trần Anh V và bà Lê Thị N thực hiện việc ký hợp đồng tín dụng số LD1823300456 để cho ông V và bà N vay số tiền gốc: 600.000.000 đồng; lãi suất tháng đầu tiên 11,2%/năm, từ tháng hai do Ngân hàng điều chỉnh hoặc không điều chỉnh phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước; thời hạn vay 12 tháng; mục đích vay: Sản xuất nông nghiệp. Để đảm bảo cho khoản vay này, ông V và bà N đã thế chấp các tài sản sau:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 78, tờ bản đồ số 26 tại thôn 06, xã H, huyện B, tỉnh Đắk Lắk, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 749597 do UBND huyện B, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 15/5/2014 đứng tên hộ ông Trần Anh V và bà Lê Thị N theo hợp đồng thế chấp số 0833A/2016/TC/CK ngày 01/9/2016 và thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 01 ngày 22/8/2017 và số 01 ngày 23/8/2017.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 580, tờ bản đồ số 02 có vị trí tại thôn 02, xã H, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 020786 do UBND huyện C, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 29/5/2014 đứng tên ông Trần Anh V và bà Lê Thị N và hợp đồng thế chấp số 0833/2016/TC/CK ngày 31/8/2016 và thỏa thuận sử đổi bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 01 ngày 22/8/2017 và số 02 ngày 23/8/2018.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông V và bà N chưa trả khoản tiền vay nào cho Ngân hàng kể cả tiền lãi. Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu ông bà có trách nhiệm thanh toán nợ vay đã quá hạn nhưng từ khi vay cho tới nay ông V và bà N vẫn không trả, hiện tại hai người không có mặt tại nơi cư trú. Do đó Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay sang nợ quá hạn.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Anh V và bà Lê Thị N phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ vay tính đến ngày 28/9/2020 (ngày xét xử sơ thẩm) là:

- Tiền nợ thẻ tín dụng của ông Trần Anh V 26.909.860 đồng

- Tiền nợ thẻ tín dụng của bà Lê Thị N 23.887.515 đồng

- Tiền nợ vay theo hợp đồng tín dụng: Tổng cộng 785.619.288 đồng, trong đó nợ gốc: 600.000.000 đồng; lãi quá hạn 67.200.000 đồng; lãi quá hạn phát sinh 111.018.082 đồng; lãi phạt 7.401.205 đồng và lãi suất phát sinh cho đến khi thanh toán hết nợ theo lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng.

Đối với tài sản thế chấp: Trong trường hợp ông V, bà N không thanh toán được nợ thì đề nghị Tòa án xử lý toàn bộ tài sản thế chấp để đảm bảo việc thu hồi nợ cho Ngân hàng.

*** Đối với bị đơn ông Trần Anh V và bà Lê Thị N:**

Người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn xác định ông V và bà N đã bỏ đi khỏi địa phương. Chính quyền địa phương cũng xác nhận ông V và bà N đã đi khỏi địa phương tại biên bản xác minh ngày 17/3/2020. Tòa án đã tiến hành cấp, tống đạt, thông báo và niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật, đồng thời đăng tin tìm kiếm và thông báo về việc khởi kiện của Ngân hàng cho người vắng mặt tại nơi cư trú biết để tham gia tố tụng và thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình. Nội dung thông báo được đăng, phát trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật nhưng trong quá trình tiến hành tố tụng đến ngày mở phiên tòa xét xử sơ thẩm ông V, bà N vẫn không có mặt để tham gia tố tụng và tham gia phiên tòa, cũng không có ý kiến phản hồi gì gửi cho Tòa án về việc yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại phiên tòa lần hai vẫn vắng mặt không có lý do.

*** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin tại phiên tòa:**

Về thủ tục tố tụng: Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử và việc tống đạt các văn bản tố tụng của vụ án từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử (HĐXX) nghị án, Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã giải quyết đúng trình tự của Bộ luật tố tụng Dân sự (BLTTDS) Tại phiên toà Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật.

Đối với bị đơn ông Trần Anh V và bà Lê Thị N đi khỏi địa phương, đã được thông báo về việc khởi kiện của nguyên đơn nhưng không thấy có ý kiến phản hồi gì, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 227, 228 BLTTDS để xét xử vụ án và xét xử vắng mặt ông V, bà N.

Về nội dung vụ án: Áp dụng Điều 299, 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự 2015; Luật Tổ chức tín dụng, đề nghị HĐXX chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Trần Anh V và bà Lê Thị N có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền gốc 600.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật.

Buộc bị đơn ông Trần Anh V có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền 26.909.860 đồng đối với số tiền nợ thẻ tín dụng số 356480-4094 tính đến ngày xét xử sơ thẩm.

Buộc bị đơn bà Lê Thị N có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền 23.887.515 đồng đối với số tiền nợ thẻ tín dụng số 970403-4215 tính đến ngày xét xử sơ thẩm.

Đối với tài sản thế chấp: Trường hợp ông Trần Anh V và bà Lê Thị N không trả hết nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần S có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo các hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 0833/2016/TC/CK ngày 31/8/2016, sửa đổi bổ sung ngày 22/8/2017 và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 0833A/2017/TC/CK ngày 01/9/2016, sửa đổi bổ sung ngày 22/8/2017 để thu hồi nợ.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Xét yêu cầu của nguyên đơn thì đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", bị đơn đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn 02, xã H, huyện C, tỉnh Đắk Lắk và một trong các tài sản thế chấp tọa lạc tại địa phương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Cư Kuin theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Xét bị đơn ông Trần Anh V và bà Lê Thị N bỏ đi khỏi địa phương theo biên bản xác minh ngày 17/3/2020 tại chính quyền xã H. Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin đã cấp, tống đạt, thông báo và niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng, đồng thời thực hiện việc đăng tin tìm kiếm, thông báo cho người vắng mặt tại nơi cư trú về việc yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho ông V, bà N được biết, nội dung tin đã được đăng, phát trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật nhưng ông V và bà N vẫn không có mặt để tham gia tố tụng. Quá trình giải quyết và tại phiên tòa lần hai tiếp tục vắng mặt không có lý do nhưng không có ý kiến phản hồi gì, vì vậy HĐXX căn cứ quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng Dân sự để xét xử vắng mặt ông V và bà N.

[3] Về nội dung: Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn đề nghị Tòa án buộc bị đơn ông Trần Anh V và bà Lê Thị N có nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày 28/9/2020 (ngày xét xử sơ thẩm) là:

- Tiền nợ thẻ tín dụng của ông Trần Anh V 26.909.860 đồng

- Tiền nợ thẻ tín dụng của bà Lê Thị N 23.887.515 đồng

- Tiền nợ vay theo hợp đồng tín dụng: Tổng cộng 785.619.288 đồng, trong đó nợ gốc: 600.000.000 đồng; lãi quá hạn 67.200.000 đồng; lãi quá hạn phát sinh 111.018.082 đồng; lãi phạt 7.401.205 đồng và lãi suất phát sinh cho đến khi thanh toán hết nợ theo lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng.

Đối với tài sản thế chấp: Trong trường hợp ông V, bà N không thanh toán được nợ thì đề nghị Tòa án xử lý toàn bộ tài sản thế chấp để đảm bảo việc thu hồi nợ cho Ngân hàng.

HĐXX xét thấy quan hệ pháp luật dân sự giữa nguyên đơn và bị đơn là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 463 Bộ luật dân sự 2015 (BLDS). Vì vậy quyền và nghĩa vụ của các bên phải được thực hiện và được pháp luật bảo vệ. Theo hợp đồng tín dụng, các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và kết luận giám định số 123/KLGĐ-PC09 ngày 21/8/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk, HĐXX xác định ông Trần Anh V và bà Lê Thị N là vợ chồng có vay của Ngân hàng Thương mại cổ phần S, Chi nhánh Đắk Lắk - Phòng giao dịch C các khoản tiền vay tính đến ngày 28/9/2020 (ngày xét xử sơ thẩm) là:

- Tiền nợ thẻ tín dụng của ông Trần Anh V 26.909.860 đồng

- Tiền nợ thẻ tín dụng của bà Lê Thị N 23.887.515 đồng

- Tiền nợ vay theo hợp đồng tín dụng, nợ gốc: 600.000.000 đồng; lãi quá hạn 67.200.000 đồng; lãi quá hạn phát sinh 111.018.082 đồng; lãi phạt 7.401.205 đồng. Tổng cộng 785.619.288 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn thực hiện không đúng cam kết trả nợ là vi phạm hợp đồng, vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định Điều 466 BLDS 2015 nên quyền và lợi ích của nguyên đơn bị xâm phạm, do đó nguyên đơn là người có quyền khởi kiện theo quy định tại Điều 186 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[4] Quá trình thụ lý và giải quyết, Tòa án thực hiện các biện pháp cấp, tống đạt, thông báo và triệu tập hợp lệ cho bị đơn nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Tiến hành xác minh được chính quyền địa phương xã H cung cấp thông tin tại biên bản xác minh ngày 17/3/2020 có nội dung ông Trần Anh V và bà Lê Thị N là vợ chồng đã bỏ đi khỏi địa phương cho đến nay không có tin tức gì, khi đi ông V và bà N không khai báo nên chính quyền không biết cụ thể nơi đến và địa chỉ của ông V và bà N. Ngày 20/4/2020 người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn có đơn yêu cầu đăng tin tìm kiếm và thông báo về việc khởi kiện của nguyên đơn trên các phương tiện thông tin đại chúng cho bị đơn vắng mặt tại nơi cư trú theo quy định. Tòa án thông báo về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho bị đơn biết, nội dung tin đã được đăng, phát trên phương tiện thông tin của Chi nhánh Trung tâm quảng cáo và dịch vụ truyền thông đa phương tiện tại thành phố Hồ Chí Minh và báo C theo quy định nhưng ông V, bà N vẫn không tham gia tố tụng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình và cũng không có ý kiến phản hồi gì. Tiến hành thực hiện việc giám định chữ ký, chữ viết trong các tài liệu do ngân hàng cung cấp, kết quả giám định theo kết luận số 123/PC09 ngày 21/8/2020 của Phòng Kỹ Thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận là do ông V và bà N ký, viết ra. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Buộc ông Trần Anh V và bà Lê Thị N phải có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn các khoản tiền nợ tính đến ngày 28/9/2020 (ngày xét xử sơ thẩm) là:

- Tiền nợ thẻ tín dụng của ông Trần Anh V 26.909.860 đồng

- Tiền nợ thẻ tín dụng của bà Lê Thị N 23.887.515 đồng

- Tiền nợ vay theo hợp đồng tín dụng: Tổng cộng 785.619.288 đồng, trong đó nợ gốc: 600.000.000 đồng; lãi quá hạn 67.200.000 đồng; lãi quá hạn phát sinh 111.018.082 đồng; lãi phạt 7.401.205 đồng và lãi suất phát sinh cho đến khi thanh toán hết nợ theo lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng.

[4] Đối với tài sản thế chấp: Khi vay ông Trần Anh V và bà Lê Thị N có thế chấp cho Ngân hàng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, gồm các thửa đất:

- Thửa đất số số 78, tờ bản đồ số 26 tại thôn 06, xã H, huyện B, tỉnh Đắk Lắk, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 749597 do UBND huyện B, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 15/5/2014 đứng tên hộ ông Trần Anh V và bà Lê Thị N theo hợp đồng thế chấp số 0833A/2016/TC/CK ngày 01/9/2016 và thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 01 ngày 22/8/2017 và số 01 ngày 23/8/2017.

- Thửa đất số 580, tờ bản đồ số 02 tại thôn 02, xã H, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 020786 do UBND huyện C, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 29/5/2014 đứng tên ông Trần Anh V và bà Lê Thị N theo hợp đồng thế chấp số 0833/2016/TC/CK ký ngày 31/8/2016 và thỏa thuận sử đổi bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 01 ngày 22/8/2017 và số 02 ngày 23/8/2018

HĐXX xét thấy việc thế chấp là hợp pháp, tài sản thế chấp hiện tại ở địa phương không có tranh chấp, nếu sau khi ông V, bà N trả đủ toàn bộ số tiền vay nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có trách nhiệm trả lại cho ông V và bà N bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 749597 do UBND huyện B, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 15/5/2014 và số BN 020786 do UBND huyện C, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 29/5/2014 đứng tên ông Trần Anh V và bà Lê Thị N đã thế chấp để đảm bảo cho khoản tiền vay được quy định tại khoản 3 Điều 321, khoản 1 Điều 322 BLDS năm 2015. Trường hợp ông V và bà N không trả hoặc trả không đủ toàn bộ số tiền nợ vay theo hợp đồng tín dụng và các khoản lãi suất và lãi suất phát sinh thì theo quy định tại khoản 5 Điều 323, Điều 327 BLDS năm 2015, toàn bộ tài sản thế chấp được xử lý theo luật định để đảm bảo trả toàn bộ số tiền nợ cho Ngân hàng.

[5] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc ông Trần Anh V và bà Lê Thị N phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định là 26.909.860 đồng + 23.887.515 đồng + 785.619.288 đồng = 836.416.663 đồng + án phí 36.000.000 đồng = 3% của phần giá trị tài sản có tranh chấp vượt quá 800.000.000 đồng = 37.095.500 đồng.

Ngân hàng Thương mại cổ phần S được nhận lại 17.222.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số:

AA/2019/0007052 ngày 10/3/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

[6] Về chi phí tố tụng khác:

[6.1] Đối với chi phí giám định: Do yêu cầu giám định của nguyên đơn và kết luận giám định là có căn cứ nên bị đơn phải chịu toàn bộ số tiền chi phí giám định chữ ký là 5.040.000 đồng. Số tiền này nguyên đơn đã nộp tạm ứng và đã chi theo phiếu nhận tiền ngày 21/8/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk, do đó buộc ông V, bà N phải hoàn trả cho nguyên đơn số tiền chi phí giám định này.

[6.2] Đối với chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.500.000đồng, số tiền này nguyên đơn đã nộp tạm ứng và đã chi theo phiếu chi ngày 27/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Krông Bông và chi ngày 17/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, do đó buộc bị đơn phải hoàn trả cho nguyên đơn số tiền này.

[6.3] Đối với chi phí đăng, phát thông báo trên các phương tiện thông tin truyền thông: Ngân hàng Thương mại cổ phần S là người yêu cầu đăng tin tìm kiếm và thông báo nên phải chịu số tiền 3.020.000đồng, số tiền này Ngân hàng đã nộp tạm ứng và đã chi theo hóa đơn giá trị gia tăng ngày 27/5/2020 của báo C và ngày 19/5/2020 của Chi nhánh trung tâm quảng cáo và dịch vụ truyền thông tại thành phố Hồ Chí Minh.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147; 157; 158; 161; 162; 203; 220; 227; 228; 235; 266; 271; 273; 385 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Áp dụng các điều từ 317 đến 323; 327; 463; 466; 468; 500; 501 và 503 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Áp dụng Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Điều 27; 37 luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

Buộc ông Trần Anh V và bà Lê Thị N phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (28/9/2020)

là: 836.416.663 đồng *(tám trăm ba mươi sáu triệu bốn trăm mười sáu nghìn sáu trăm sáu ba đồng)*, trong đó:

- Tiền nợ thẻ tín dụng của ông Trần Anh V 26.909.860 đồng

- Tiền nợ thẻ tín dụng của bà Lê Thị N 23.887.515 đồng

- Tiền nợ vay theo hợp đồng tín dụng: Tổng cộng 785.619.288 đồng, trong đó nợ gốc: 600.000.000 đồng; lãi quá hạn 67.200.000 đồng; lãi quá hạn phát sinh 111.018.082 đồng; lãi phạt 7.401.205 đồng và lãi suất phát sinh cho đến khi thanh toán hết nợ theo lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng.

*Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.*

2. Đối với tài sản thế chấp:

- Sau khi ông Trần Anh V và bà Lê Thị N trả đủ toàn bộ số tiền nợ vay và tiền lãi suất phát sinh thì Ngân hàng Thương mại cổ phần S phải trả lại cho ông V và bà N bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 749597 do UBND huyện B, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 15/5/2014 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 020786 do UBND huyện C, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 29/5/2014 đứng tên ông Trần Anh V và bà Lê Thị N.

- Trường hợp ông V và bà N không trả hoặc trả không đủ toàn bộ số tiền nợ vay theo hợp đồng tín dụng và các khoản lãi suất và lãi suất phát sinh thì toàn bộ tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 78, tờ bản đồ 26 theo giấy chứng nhận quyền sửa dụng đất số BQ 749597 do UBND huyện B, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 15/5/2014 và thửa đất số 580, tờ bản đồ số 02 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 020786 do UBND huyện C, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 29/5/2014 đứng tên ông Trần Anh V và bà Lê Thị N được xử lý theo luật định để đảm bảo trả toàn bộ số tiền nợ cho Ngân hàng.

3. Về án phí:

- Ông Trần Anh V và bà Lê Thị N phải chịu 37.092.500 đồng. *(Ba mươi bảy triệu không trăm chín mươi hai nghìn năm trăm đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

- Ngân hàng Thương mại cổ phần S được nhận lại 17.222.000 đồng số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: AA/2019/0007052 ngày 10/3/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

4. Về chi phí tố tụng khác: Ông Trần Anh V và bà Lê Thị N phải hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền 5.040.000 đồng *(Năm triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng)* chi phí giám định chữ ký và 2.500.000 đồng *(Hai triệu năm trăm nghìn đồng)* tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

5. Về chi phí thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú: Ngân hàng Thương mại cổ phần S phải chịu số tiền 3.020.000 đồng *(Ba triệu không trăm hai mươi nghìn đồng),* khấu trừ 3.020.000 đồng *(Ba triệu không trăm hai mươi nghìn đồng)* Ngân hàng đã nộp tạm ứng và đã chi theo hóa đơn giá trị gia tăng ngày 27/5/2020 của báo C và ngày 19/5/2020 của Chi nhánh Trung tâm quảng cáo và dịch vụ truyền thông tại thành phố Hồ Chí Minh.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư Kuin;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Văn Công Cường**